

PHÁT TRIỂN CỦA THĂNG LONG - HÀ NỘI TỪ CÁCH TIẾP CẬN SINH THÁI - NHÂN VĂN

GS. TSKH Trương Quang Học, PGS. TS Phan Phương Thảo
Đại học Quốc gia Hà Nội

Đặt vấn đề

Mùa thu năm Canh Tuất (1010), vua Lý Thái Tổ, vị vua đầu tiên của triều Lý ra *Chiếu dời đô* từ Hoa Lư về Đại La, đổi tên thành Thăng Long (nay là Hà Nội). Trong 1000 năm qua, Thăng Long - Hà Nội đã trải qua rất nhiều đổi thay, đã phát triển và kết tinh những giá trị tinh thần và vật chất - tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam.

Để chuẩn bị cho Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội sắp tới, đã có rất nhiều các hoạt động được triển khai nhằm “biểu thị tình cảm và đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam đối với các thế hệ cha ông đã có công dựng nước, giữ nước; là dịp giáo dục truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc; động viên toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây cũng là dịp để giới thiệu và nâng cao tầm vóc của Thủ đô nói riêng và Việt Nam nói chung ở khu vực và trên thế giới”¹.

Hội thảo khoa học quốc tế “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI VĂN HIẾN, ANH HÙNG, VÌ HOÀ BÌNH” là một trong những hoạt động thiết thực trong dịp Đại lễ kỷ niệm này. Báo cáo này tại Hội thảo trình bày tóm tắt quá trình phát triển của Thăng Long - Hà Nội trên quan điểm Sinh thái - Văn hoá/ Sinh thái - Nhân văn.

1. Châu thổ sông Hồng - cái nôi của Thăng Long - Hà Nội

1.1. Châu thổ sông Hồng và nền văn minh lúa nước

1.1.1. Vùng đất phì nhiêu và dũ dội

Việt Nam nằm ở vị trí trung tâm Đông Nam Á, được coi là một trong những vùng đất cổ nhất, một trong những cái nôi của loài người, của nền văn minh nông nghiệp (giống cây trồng và vật nuôi), và hiện nay là một trong những điểm nóng về đa dạng sinh học thế giới².

Nằm trên bờ biển Đông, với khí hậu nóng ẩm, là ngã tư đường của các luồng di cư sinh vật, của các cư dân, các nền văn minh và của con đường giao lưu quốc tế theo hai trục chính, tây - đông và bắc - nam, Việt Nam có lịch sử phát triển lâu dài và có một vị thế đặc biệt trên trường quốc tế.

Sông Hồng, một trong hai sông lớn nhất Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua Bắc Việt Nam, một địa bàn phức tạp, có độ dốc cao nên nó là một trong những con sông dữ dằn và nguy hiểm nhất. Sông Hồng đã mang một lượng lớn phù sa qua hàng vạn năm bồi đắp lên vùng châu thổ phía hạ lưu - đồng bằng cổ nhất của Việt Nam. Trên vùng đất dữ dằn và phì nhiêu này, dân tộc Việt Nam với đặc trưng của nền văn minh lúa nước đã hình thành và phát triển.

Cách đây khoảng từ 20 đến 30 vạn năm, khảo cổ học đã phát hiện các dấu tích sinh sống của người vượn cổ ở cả hai miền Bắc, Nam (từ thời Cách Tân - Pleistocene)³.

Bắt đầu từ giai đoạn Phùng Nguyên, sau thời kỳ biển lùi (khoảng 4.000 năm trước), những người Lạc Việt bắt đầu tiến xuống khai phá vùng đồng bằng sông Hồng, chọn nghề trồng lúa nước là nghề sống chính và đã tạo nên các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững cho tới ngày nay⁴.

1.1.2. Sự hình thành và phát triển nền văn minh lúa nước

Các nhà khoa học đã có lập luận vững chắc và đưa ra những giả thuyết cho rằng vùng Đông Nam Á gió mùa là nơi phát sinh nền nông nghiệp đa dạng rất sớm của thế giới. Ở đây, những dấu ấn của cây lúa đã được ghi nhận từ khoảng 10.000 năm tr.CN.

Các cuộc khảo cổ gần đây đã chứng minh sự tồn tại của con người trên lãnh thổ Việt Nam từ thời Đồ đá cũ. Vào đầu thời Đồ đá mới, trong các di tích văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn (gần 10.000 năm tr.CN) đã tìm thấy bào tử phấn hoa của cây lúa nước và đến cuối thời Đồ đá mới, sơ kỳ Đồ đồng, nông nghiệp lúa nước đã xuất hiện và càng ngày càng phát triển.

Ở châu thổ sông Hồng - nơi hội tụ đầy đủ những điều kiện thuận lợi thích hợp cho giống lúa hoang và sau này là lúa trồng phát triển (đất đai phì nhiêu, bằng phẳng, sinh khí hậu thuận lợi - lượng mưa, chế độ nhiệt và đặc biệt là chế độ nước). Trên mảnh đất này, nền kinh tế bao gồm nhiều ngành, nghề, trong đó **nông nghiệp trồng lúa nước** chiếm địa vị chủ đạo đã hình thành và phát triển⁵.

Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh với thiên nhiên để sinh tồn và phát triển đã hình thành nền văn minh sông Hồng/văn minh Đông Sơn/văn minh lúa nước với những đặc trưng sau:

- Nghề sống chính của cộng đồng dân cư là trồng trọt, chủ yếu là trồng lúa nước trong các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững với năng suất cao, đủ nuôi sống một mật độ dân cư vào loại đông nhất thế giới (từ 1.000 - 1.500 người/km²).

- Trong điều kiện như vậy, đơn vị cấu trúc xã hội chủ yếu là các gia đình hạt nhân hoặc gia đình nhỏ và dần tụ lại thành các làng (dựa theo hai nguyên lý chủ yếu: cội nguồn và cùng chỗ), đơn vị sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) và làm nghề thủ công lúc nông nhàn theo phương thức tự cấp tự túc.

- Trong nông nghiệp, việc tưới tiêu (thủy lợi) là quan trọng nhất. Người nông dân châu thổ đã phải đấu tranh với thiên tai, chủ yếu là lụt lội do sông Hồng gây ra, thường

mỗi năm hai lần. Để chống lũ, lụt, trong suốt hàng ngàn năm, cho đến tận ngày nay và tiếp tục trong tương lai, người nông dân đồng bằng Bắc Bộ đã đắp lên hệ thống đê đồ sộ và hợp lý nhất dọc theo các con sông dài tới 3.000km.

Vì vậy người ta còn nói, văn hoá sông Hồng chính là văn hoá làng dựa trên trồng lúa nước và đắp đê⁶.

Trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên và ngoại xâm, các cộng đồng người Lạc Việt dần tụ lại hình thành nên nhà nước sơ khai đầu tiên - nước Văn Lang của các Vua Hùng (vào khoảng 2.000 năm tr.CN) nằm ở phần Bắc và Trung Việt Nam, bao gồm cả vùng núi, trung du và đồng bằng nhưng chủ yếu là châu thổ sông Hồng và vùng núi.

Và vì vậy, văn minh sông Hồng/văn minh lúa nước đã là cái gốc của văn minh dân tộc.

1.2. Từ Hoa Lư đến Thăng Long - Hà Nội

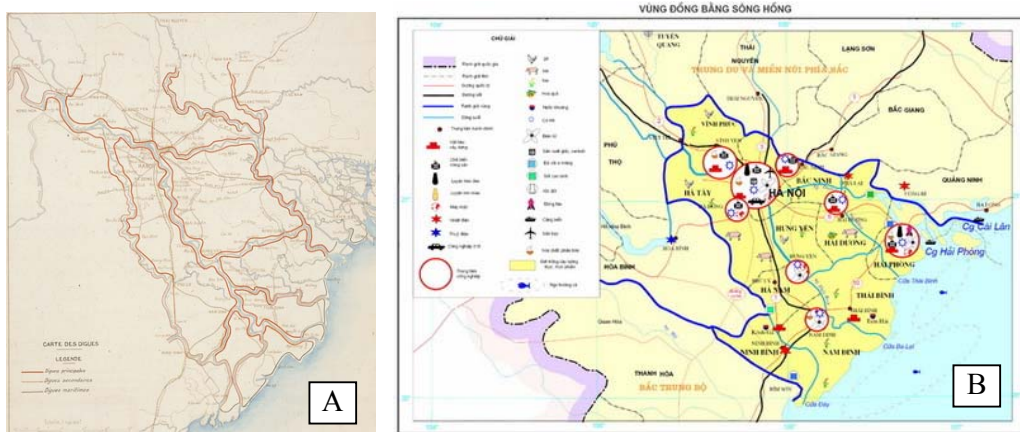
Hoa Lư là Kinh đô của nước Đại Việt dưới hai triều Đinh (968 - 979) và triều Tiền Lê (980 - 1009). Đây là một vùng núi non hiểm trở, thích hợp với mục đích quân sự cho một chính quyền non trẻ phải đối mặt với nhiều mối đe dọa của giặc ngoài, thù trong bấy giờ⁷.

Trong vòng 41 năm, Cố đô Hoa Lư đã làm trọn vai trò lịch sử của mình, đã khôi phục và củng cố nền thống nhất quốc gia, đập tan nạn xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, bảo vệ vững chắc nền độc lập tạo điều kiện đưa đất nước vào một thời kỳ mới, thời kỳ phục hưng toàn diện của dân tộc. Trong bối cảnh đó, Hoa Lư không còn đáp ứng được vai trò của Thủ đô cả nước.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Đây là một bước ngoặt chiến lược, là sự kiện trọng đại, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Vương triều Lý và quốc gia Đại Việt.

Tinh thần đó đã được thể hiện tập trung trong *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn: "Thành Đại La, Kinh đô cũ của Cao Vương ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam, Bắc, Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư không chịu cảnh khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ có nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi Kinh đô bậc nhất của Đế vương muôn đời".

Thật vậy, nằm ở đỉnh phía tây - bắc, nơi cao nhất của châu thổ sông Hồng, Thăng Long, một mặt có những lợi thế về địa lý tự nhiên, mặt khác có những lợi thế chiến lược về địa lý kinh tế, địa lý chính trị và quân sự. Về mặt tự nhiên, Thăng Long có những điều kiện thuận lợi của vùng châu thổ về đất đai phì nhiêu, khí hậu nóng ẩm, cảnh quan đa dạng và tươi đẹp, điều kiện sông nước phong phú, lại ở nơi cao, tránh được cảnh lụt lội. Về mặt kinh tế, ở vị trí trung tâm của châu thổ, Thăng Long là đầu mối giao thông đảm bảo sự thông thương về đường bộ cũng như đường thủy với tất cả các trung tâm kinh tế trong vùng cũng như đi khắp các vùng khác của đất nước. Về mặt văn hoá: nằm trong cái nôi của nền văn minh sông Hồng, nền văn minh lúa nước. Về mặt chính trị, quân sự: có rất nhiều lợi thế cho việc bảo vệ đất nước, chống ngoại xâm với các dãy núi Ba Vì và Tam Đảo ở phía tây như những bức tường thành hiểm trở và hậu cứ an toàn; sông Hồng như một hành lang tự nhiên, vững chắc bảo vệ về phía đông - nam (Hình 1).



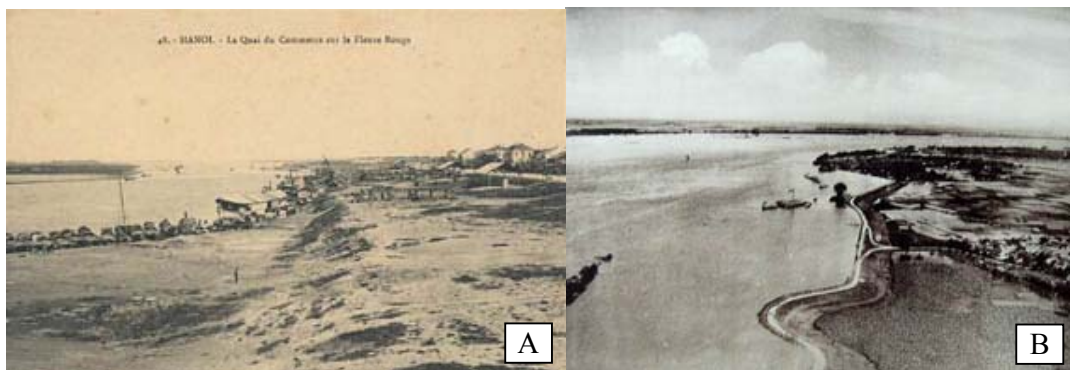
Hình 1. Đồng bằng Bắc Bộ: A-Bản đồ Sơ Địa lý Đông Dương lập năm 1905 (1:35.000); B-Bản đồ năm 2002.

Tên gọi Hà Nội với vai trò là tên một tỉnh chính thức xuất hiện vào tháng 10 năm 1831, khi Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính. Theo đó, địa giới Hà Nội dưới thời Minh Mệnh rất rộng, bao gồm Hà Nội hiện nay và một phần tỉnh Hà Nam.

Trong 1000 năm lịch sử, Thăng Long - Hà Nội đã trải qua nhiều thăng trầm, nhiều lần đổi tên và cũng có những giai đoạn không phải là Thủ đô.

2. Hà Nội - thành phố của sông - hồ

Các nhà nghiên cứu cả xã hội - nhân văn và tự nhiên gần như có sự thống nhất cao đều gọi Hà Nội là thành phố của nước⁸, là vùng ngự trị của nước⁹, là thành phố bên sông hoặc thành phố giữa các dòng sông, thành phố của sông, hồ¹⁰. Sinh ra từ những dòng nước như lịch sử đã thừa nhận, trong suốt quá trình phát triển cho đến ngày nay, Hà Nội vẫn gắn bó với đặc điểm này: nước và đất hoà quyện chặt chẽ, đôi khi đối nghịch nhau đến mức có người gọi Hà Nội là Venice của phương Đông (Hình 2).



Hình 2. Hà Nội mệnh mang sông nước: A. Phố Trần Nhật Duật (đầu thế kỷ XX) và B. Trần lụt (1926)

Hà Nội có 11 dòng sông lớn nhỏ chảy qua¹¹ (Bảng 2)

Bảng 2. Các sông chảy qua Hà Nội

Tên sông	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Độ sâu (m)	Hệ số uốn khúc	Qmax (m ³ /s)
Tô Lịch	13,7	30 - 40	3 - 4		30
Lừ (sông Nam Đồng)	5,8	20 - 30	2 - 4		6
Sét	6,7	20 - 30	3 - 4		8
Kim Ngưu	10,8	20 - 30	3 - 4		15
Cầu (đoạn qua Hà Nội)	15				3490
Cà Lồ	28			2,85	268
Nhuệ	29,0			1,53	150
Đuống	23,0	300 - 450	4 - 6	1,25	6300
Công	10,0			1,43	
Cò Lài	14,0			1,40	
Hồng	38,9	1,5 - 4,6	4 - 8	2,86	14800

Nguồn: Đỗ Xuân Sâm, 2007. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Nhà nước: *Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, địa lý, môi trường góp phần định hướng phát triển không gian của Thủ đô Hà Nội trong nửa đầu thế kỷ XXI*, Mã số: KX.09.01

Trong đó, ba con sông chính thường được nhắc tới trong các tài liệu cổ là sông Hồng ở phía đông, sông Tô Lịch ở phía tây và bắc, sông Kim Ngưu ở phía nam. Sông Hồng, còn gọi là sông Cái, sông Mẹ - sông lớn thứ hai ở nước ta (sau sông Mê Kông), chảy dọc phía đông Hà Nội, với hai phụ lưu đổ nước vào là sông Đà và sông Lô. Sông Hồng khi chưa có đập thủy điện Hoà Bình, hàng năm đưa ra vùng cửa sông tới 130 triệu tấn bùn cát và 122 tỷ mét khối nước. Sông Hồng là con sông dữ dằn, do tập trung dòng chảy vào mùa mưa, nên lũ lớn và dồn dập thường xảy ra, rất dễ gây vỡ đê và lụt lội.

Bảng 3. Các hồ trong nội thành Hà Nội (2002)

TT	Tên hồ	Diện tích (m ²)
1	Văn Chương	16325.98
2	Ba Gian	14658.68
3	Ba Mẫu	37586.93
4	Bảy Mẫu	207201.07
5	Bách Thảo	8507.64
6	Cầu Cốc	43041.59
7	Giảng Võ	73780.73
8	Giáp Bát	7140.63
...	Định Công	265628.99
43	Đại La	81777.58
44	Kim Liên	20357.08
Tổng diện tích		9081964.98

Nguồn: Phan Phương Thảo, *Cảnh quan mặt nước Hà Nội qua tư liệu địa bạ trong "Địa bạ cổ Hà Nội", tập II*, NXB Hà Nội, 2008.

Trong suốt tiến trình lịch sử, sông Hồng giữ vai trò quyết định đối với tiến trình phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá của Hà Nội.

Hà Nội có nhiều hồ, đầm tự nhiên, được hình thành nên qua những biến động địa chất hàng vạn năm, một hệ quả tất yếu của hiện tượng sông đổi dòng rồi để lại những đoạn sông chết, hoặc những dải trũng là phần bãi bồi trung tâm khi chưa có đê ngăn lũ trên bề mặt châu thổ quá thoải và lưu lượng dòng chảy của lũ quá lớn.

Trong ngôn ngữ tiếng Việt, Đất Nước có nghĩa là đất và nước, mà ở đây là Sông Hồng, là biểu hiện của sự hài hoà giữa Trời, Đất và Người.

Hiện nay, theo thống kê năm 2010¹², trên địa bàn 10 quận nội thành Hà Nội có khoảng 110 hồ, trong đó có 44 hồ có tên trong bản đồ Hà Nội năm 2002¹³ (Bảng 3).

Tất cả các hồ Hà Nội đều là hồ tự nhiên nhưng rất khác nhau về hình dạng, kích thước, chức năng và ý nghĩa trong đời sống tinh thần (Bảng 3 và 4). Ở trung tâm của châu thổ sông Hồng, Thăng Long - Hà Nội, thành phố và con người mang đầy đủ những nét văn hoá của nền văn minh sông Hồng được biểu hiện rõ nhất trong hai đặc trưng sau đây:

2.1. Phố làng trong đô thị

Thăng Long là nơi Kinh kỳ Kẻ Chợ, nơi các phường thợ nổi tiếng từ khắp vùng tụ về, cùng nhau cù làm nên sự độc đáo và đa dạng, dồi dào sức sống của bản sắc văn hoá Thăng Long - Hà Nội.

Hà Nội là một thành phố điển hình được xây dựng trên cơ sở của nền “văn minh lúa nước”, ở đó có những điều kiện để duy trì sự hiện diện của làng trong đô thị, tạo nên một thành phố khó có thể phân biệt được đâu là thành thị, đâu là nông thôn.

Phố ở Hà Nội trước kia cũng được tổ chức trên các nguyên tắc gần như của làng (tập hợp những người cùng nghề, cùng quê) và giữ quan hệ mật thiết với làng quê gốc. Các phố Hà Nội điển hình (con số nhiều nhất lên tới gần 80) thường có tên kép, chữ đầu là Hàng (cửa hàng, cửa hiệu) chữ sau thường là tên mặt hàng bày bán - sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp của châu thổ: Bô, Nón, Chiếu, Trính, Hòm, Khay... hoặc chất liệu của sản phẩm (Thiếc, Gai, Bạc, Đồng...) hay nghề sản xuất/ cách thức tạo ra sản phẩm (Lò rèn, Thêu, Tiện...) v.v...¹⁴

Điều này, một mặt chứng tỏ Hà Nội từ xưa đã là một trung tâm buôn bán lớn ở vùng châu thổ sông Hồng, là nơi giao lưu, trao đổi hàng hoá với cả miền núi, đồng bằng và miền biển. Mặt khác, nói lên xuất xứ và mối liên hệ ràng buộc về mặt huyết thống và nghề nghiệp với châu thổ sông Hồng, phản ánh rõ nét văn hoá gốc nông nghiệp của Hà Nội và Việt Nam nói chung.

Vào những năm 1950, bản đồ "Hà Nội và vùng xung quanh" cho thấy thành phố nằm bên này sông Hồng với vùng nội thành khoanh đỏ theo một chỉ dụ năm 1888, và thành phố mở rộng lúc đó đã ôm trọn 54 làng quanh khu phố ca rô ngăn nắp. Suốt 40 năm sau đó, Hà Nội đã từng là tự hào bởi nét quyến rũ của đô thị phương Đông - nơi mà ranh giới giữa thành phố và làng quê tan hoà vào nhau. Ngay sau lưng dãy nhà mặt phố dập dìu người xe là cái ao bèo trong veo và ruộng rau xanh ngắt nối đuôi nhau. Đặc trưng này có thể coi như một sự cân bằng hoàn hảo - nét đặc trưng rất Hà Nội giữa phần "Âm" - những ngôi làng yên ả hồn nhiên với phần "Dương" - nơi các đường phố âm ỉ náo nhiệt¹⁵.

Sông, hồ và đời sống người Hà Nội

Các hệ sinh thái nước, đất ngập nước bao gồm sông, mương, kênh, hồ, ao, ruộng..., tất cả những chỗ có nước (tạm thời hay thường xuyên) có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và đời sống xã hội, đặc biệt là của Hà Nội¹⁶ (Bảng 4).

Bảng 4. Chức năng (dịch vụ) của các hệ sinh thái đất ngập nước

Cung cấp	Điều hoà	Nâng đỡ	Văn hoá - Xã hội
<i>Thực phẩm</i> (cá, tôm, cua, ốc, chim nước...).	<i>Nguồn nước</i> (dung nạp nước ngầm, cung cấp nước mặt vào mùa khô, giữ nước vào mùa mưa, điều hoà dòng chảy (lũ lụt); Làm sạch môi trường /ô nhiễm...).	- Nơi sống của sinh vật/ đa dạng sinh học. - Đảm bảo các chu kỳ vật chất và năng lượng cho hệ sinh thái.	- <i>Giao thông</i> - <i>Du lịch & Thể thao</i> - <i>Giáo dục</i> - <i>Sinh hoạt tinh thần, giải trí</i> (đạo chơi, bơi thuyền, ngắm cảnh, xem chim, câu cá). - <i>Định hướng cho kiến trúc, xây dựng</i>, (quy định không gian đô thị).
- <i>Nguyên liệu để sản xuất đồ thủ công, mỹ nghệ, dược liệu.</i>	- <i>Khí hậu, không khí</i> (cùng với cây xanh)	- <i>Chu kỳ sinh địa hoá và năng lượng</i>	- <i>Văn hoá</i> (Giá trị lịch sử, nơi hội tụ các ký ức, huyền thoại, các xúc cảm nghệ thuật, âm nhạc, thơ văn). - <i>Tâm linh, tín ngưỡng</i> - <i>Di sản</i>

Vốn là các thủy vực của vùng châu thổ, sông, hồ Hà Nội trước hết là các tư liệu để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (cá, tôm, ốc, rau muống, sen, bèo...). Đây là những ốc đảo cuối cùng của nông thôn còn tìm thấy nơi đô thị. Đã một thời gian dài, ao hồ là nguồn sống chính của nhiều cộng đồng dân cư vùng ngoại thành. Nhiều món ăn truyền thống nổi tiếng (như bún ốc phủ Tây Hồ, bánh tôm Hồ Tây, chè sen...) vẫn còn tới ngày nay.

Các mặt nước ở Hà Nội (sông, hồ, ao, đầm, ruộng) còn có vai trò quan trọng điều hoà cân bằng nước tự nhiên. Khi mưa, nước mưa chảy vào và tích lại ở đó, thấm qua mặt đất xuống các mạch nước ngầm, giảm bớt lụt lội. Khi trời nóng, trời khô thì nước bay hơi và cùng với cây xanh góp phần điều hoà khí hậu, thời tiết như những lá phổi của thành phố.

Sông, hồ Hà Nội không chỉ là một bộ phận cấu trúc đặc trưng, là tư liệu sản xuất mà còn có ý nghĩa quan trọng về mặt tinh thần, tâm linh của thành phố. Hồ là nơi hoạt động tinh thần và vui chơi (vãn cảnh, thư giãn, nghỉ ngơi, đàm đạo, chia sẻ) với nhiều huyền thoại, tâm linh.

Có thể lấy Hồ Tây làm ví dụ. Hồ Tây không chỉ là địa chỉ du lịch lý tưởng mà nó còn chứa đựng những giá trị văn hoá dân tộc. Quanh hồ hiện có 21 ngôi đình, đền, chùa đã được xếp hạng với nhiều di tích nổi tiếng, với nhiều văn vật giá trị: 102 bia đá, 165 câu đối, 140 hoành phi, 18 quả chuông cổ, 60 sắc phong thần, trên 300 pho tượng bằng đồng, gỗ, đá... Nhiều ngôi chùa, đền là thế, nhưng có lẽ người Hà Nội, khách du lịch vẫn tìm đến đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc và phủ Tây Hồ. Người người đến đây chẳng những được thưởng thức nét đẹp kiến trúc của đền chùa cổ xưa mà còn cầu may, cầu phúc... nhất là vào những ngày rằm, mồng một âm lịch hàng tháng và đặc biệt là ngày lễ, Tết¹⁷.



Hình 3. Hồ Hoàn Kiếm (ảnh trái); Hồ Tây (ảnh phải)

Như vậy, nước phải được coi là một yếu tố đặc biệt quan trọng khi xem xét các vấn đề của văn hoá và con người Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng. Nó đã tạo nên sắc thái riêng biệt trong mọi hoạt động từ tập quán kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp, đến cư trú, đến kiến trúc đô thị, nhà ở, đến tâm lý ứng xử và tâm linh.

Trong lịch sử phát triển, yếu tố văn hoá này đã phát huy được tính kiên cường, linh hoạt, mềm dẻo trong hành động, trong ứng xử nhưng trong quá trình hiện đại hoá và hội nhập hiện nay nó cũng là một hạn chế mà rõ rệt nhất là hình tượng “giao thông như nước chảy” ở các đô thị, đặc biệt là ở Hà Nội hiện nay.

3. Sông hồ Hà Nội xưa và nay

3.1. Sự suy thoái của các hệ sinh thái đất ngập nước

Thăng Long vốn là vùng “mênh mang sông nước”, là “kết quả của sự cân bằng không ổn định và mong manh giữa đất và nước”.

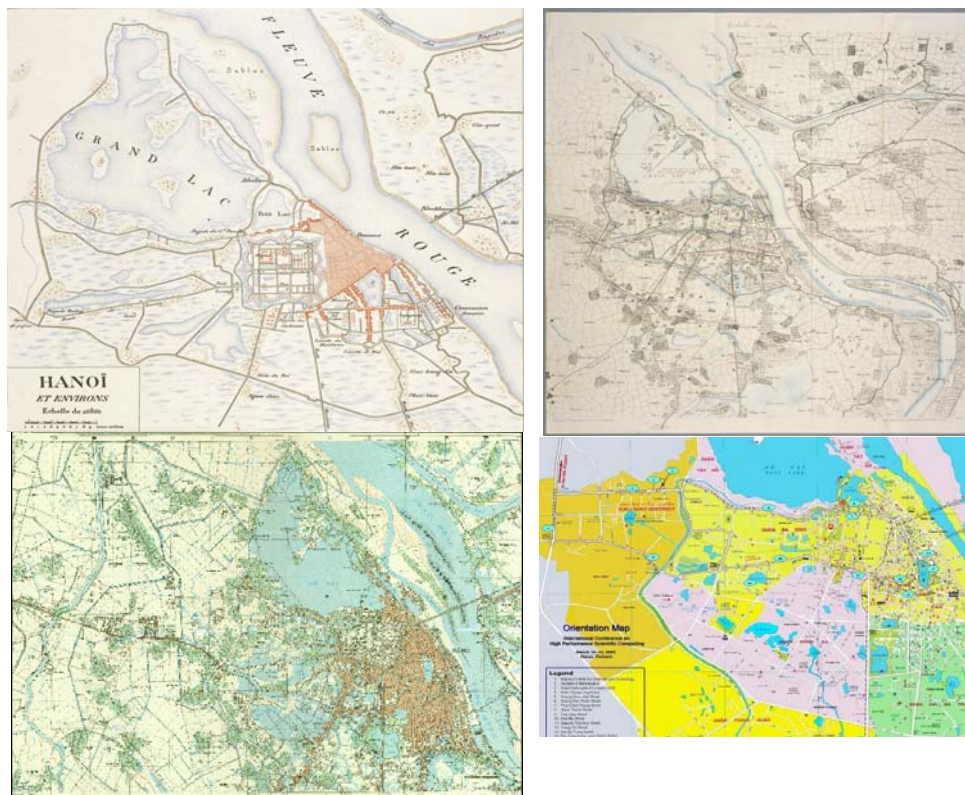
Qua tư liệu địa bạ đầu thế kỷ XIX, ở hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận (tương đương với các quận nội thành hiện nay là Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng và một phần quận Tây Hồ) có tới 602 hồ (nếu tính chung một cụm các hồ thông nhau là 1 hồ), hoặc 758 hồ nếu tính riêng từng hồ; Số thôn/phường có hồ chiếm tới 84,375% (135/160). Cho đến đầu những năm 90 của thế kỷ XIX, số lượng cũng như diện tích các hồ Hà Nội gần như không thay đổi¹⁸.

Tuy nhiên, do những nguyên nhân khác nhau, các hệ sinh thái đất ngập nước của Hà Nội đã bị suy thoái nhanh chóng, và có sự khác nhau theo không gian và thời gian: bắt đầu từ đầu thế kỷ XX, mạnh mẽ dưới thời Pháp thuộc và ồ ạt sau thời kỳ Đổi mới (1986)¹⁹.

Ở khu vực phố cổ Hà Nội, trong vòng 60 năm cuối thế kỷ XIX (1837 - 1897), diện mạo mặt nước không có sự thay đổi đáng kể. Sang đầu thế kỷ XX, trong quá trình đô thị hoá Hà Nội, các hồ nước ở đây bị lấp gần hết và đến nay chỉ còn lại duy nhất hồ Hoàn Kiếm với diện tích giảm đi gần 3ha (10,7ha) so với năm 1890 (13ha).

Trái ngược với khu phố cổ, khu phía tây và nam Hà Nội nơi vốn có nhiều ao, hồ, trên bản đồ 1969 màu xanh của nước vẫn còn chủ đạo. Không tính Hồ Tây, mặt nước trên bản đồ chiếm tới 50 - 60%. Trong vòng hơn một thế kỷ từ khi lập địa bạ cho đến năm 1969, diện mạo ao hồ không có sự thay đổi đột biến. Nhưng từ sau năm 1969, đặc biệt trong vòng 20 năm trở lại đây, hồ bị lấn chiếm và san lấp gần hết, chỉ còn lại khoảng 10 hồ. Chỉ riêng hồ Thủ Lệ, diện tích năm 1969 là 133.500m², thì đến năm 2002 chỉ còn

60.070m² (giảm 55%). Thay vào đó là các khu phố hiện đại, với Khách sạn 5 sao Daewoo hoành tráng.



Hình 4. Bản đồ Hà Nội các năm 1885, 1888, 1969 và 2003
Bản đồ Hà Nội năm 1885 (ảnh trên trái); 1888 (ảnh trên phải);
1969 (ảnh dưới trái); 2003 (ảnh dưới phải)

Hiện nay (2010), theo thống kê, trên địa bàn 10 quận nội thành Hà Nội chỉ còn khoảng 110 hồ với tổng diện tích 1.165ha (UBND TP. Hà Nội, 2010).

Các số liệu khác cho thấy chỉ tính 10 năm thôi, từ 1986 đến 1996, riêng bốn quận nội thành của Hà Nội mất đi gần nửa diện tích mặt nước. 50 năm qua (1960 - 2010), Hà Nội đã san lấp khoảng 80% diện tích mặt nước lấy chỗ cho các công trình xây dựng²⁰. Chỉ trong vòng 100 năm (thế kỷ XX), khoảng 90% hồ đã biến mất²¹.

Thêm vào đây, để cải tạo cảnh quan và chủ yếu là chống lấn chiếm mặt hồ, khoảng gần 50 hồ và sông đã được kè bờ (bằng bê tông hay đá). Điều này đã làm giảm đáng kể chức năng sinh thái của hồ theo cả hai mặt: làm giảm diện tích hồ và dòng chảy của sông, giảm sức chứa (vì mặt kè quá thoải - 45°) và nguy hiểm hơn là giảm bề mặt thấm, làm giảm đáng kể chức năng điều hoà nguồn nước và khả năng tự cân bằng của các hệ sinh thái. Làm như vậy khi mưa, các sông, hồ của Hà Nội trở thành những chiếc ao tù chứa nước, không thoát được đi đâu, làm tích úng cục bộ.

Về chất lượng nước, do quá trình đô thị hoá mạnh mẽ từ năm 1990 đến nay, phần lớn các sông, hồ Hà Nội đều rơi vào tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng. Ở nhiều hồ, các chỉ số môi trường đã vượt quá mức cho phép nhiều lần (Hình 5).



Hình 5. Sông, hồ Hà Nội đang bị suy thoái nghiêm trọng về diện tích và chất lượng nước”:
Sông Tô Lịch, con sông huyền thoại của Thăng Long giờ trở thành sông chết (công thoát nước thải)
(Ảnh trên bên trái); Hồ bị lấn chiếm và ô nhiễm (các ảnh còn lại)

Nguyên nhân chủ yếu là do các nguồn nước thải phần lớn là chưa qua xử lý của hầu hết các khu dân cư, của 116 khu công nghiệp và công viên, 48 bệnh viện và 1.310 làng nghề đã trực tiếp thải ra sông, hồ gây ô nhiễm trầm trọng nguồn nước mặt.

Sông Tô Lịch, trục tiêu thoát nước thải chính của thành phố, hàng ngày phải tiếp nhận khoảng 150.000m³ thải. Tương tự, sông Kim Ngưu nhận khoảng 125.000m³. Sông Lừ và sông Sét trung bình mỗi ngày cũng đổ vào sông Kim Ngưu khoảng 110.000m³. Nguy hiểm hơn, lượng nước thải sinh hoạt và công nghiệp này đều có hàm lượng hoá chất độc hại cao. Ngoài ra, một phần rác thải của người dân, chất thải công nghiệp và từ những làng nghề thủ công cũng góp phần gây nên tình trạng ô nhiễm này.

3.2. Đây là nguyên nhân

Nguyên nhân của sự suy thoái các hệ sinh thái đất ngập nước nêu trên bao gồm:

a) Các nguyên nhân sâu xa:

- Dân cư thành phố tăng quá nhanh (nhất là tăng cơ học);
- Quá trình đô thị hoá quá nhanh, vượt ra ngoài ý đồ quy hoạch;
- Cơ chế thị trường không được kiểm soát (sốt đất);

– Các chính sách, pháp luật chưa đầy đủ và kịp thời, chưa có tầm nhìn chiến lược, đặc biệt về phát triển bền vững;

– Hiệu quả thực thi pháp luật thấp;

– Quy hoạch và thực hiện quy hoạch kém hiệu quả (phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các ngành nói riêng)...

– Ý thức của người dân và năng lực của cán bộ quản lý còn thấp so với nhu cầu phát triển.

b) Nguyên nhân trực tiếp:

– Lắp ao hồ để lấy đất xây dựng (của cả nhà nước, tập thể và cá nhân);

– Xả nước thải, rác thải xuống sông hồ (cả người dân và các công ty, xí nghiệp, hợp tác xã sản xuất);

– Xả nước thải và phế thải xuống để nuôi cá.

Mới đây, ngày 27 tháng 8 năm 2009, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã chỉ đạo rà soát tất cả các quy hoạch công viên, cây xanh, hồ nước trên địa bàn Thủ đô. Trước đó, vào tháng 6, Thành ủy Hà Nội cũng đã chỉ đạo đặc biệt quan tâm, giữ gìn, và cải tạo các ao hồ để tạo cảnh quan đẹp trong thành phố. Theo đó, nhiều hồ đã được cải tạo, nạo vét và xử lý ô nhiễm. Kết quả của các công nghệ áp dụng đã được thực tế xác nhận, tuy nhiên phần tích cực ít hơn chúng ta mong muốn.

4. Hà Nội mới - một đô thị sinh thái trong tương lai

4.1. Hà Nội mở rộng

Trong nửa thế kỷ qua, Hà Nội đã có 3 lần được mở rộng: i) Mở rộng lần thứ nhất (ngày 20/4/1961), sát nhập vào Hà Nội một số khu vực thuộc các tỉnh Hà Đông, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc và Hưng Yên; ii) Mở rộng lần thứ hai (ngày 17/2/1979), điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn của các huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Hoài Đức, Phúc Thọ, Thanh Trì thuộc thành phố Hà Nội và iii) Mở rộng lần thứ ba theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá XII, ngày 29/5/2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/8/2008) về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh liên quan. Theo đó tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn, Hoà Bình sẽ thuộc Hà Nội mới. Như vậy, thành phố Hà Nội mở rộng có 29 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm 10 quận, 18 huyện, 1 thị xã - và 580 đơn vị hành chính cấp xã - gồm 404 xã, 154 phường và 22 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên 334.470,02ha (3.344,7002km²) và dân số là 6.232.940 người, đứng thứ nhất cả nước về diện tích và thứ nhì về dân số (sau Thành phố Hồ Chí Minh).

Quyết định mở rộng Hà Nội lần này của Quốc hội là một quyết định trọng đại về vị thế và quy mô của Thủ đô với mong muốn là một công trình có ý nghĩa nhất nhân dịp Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Chúng ta triển khai Nghị quyết này trong lúc ở Hà Nội cũ còn ngổn ngang nhiều vấn đề bức xúc chưa giải quyết xong (sức ép của các luồng di cư về thành phố, sự mai một của văn hoá truyền thống, vấn đề bảo tồn các di sản văn hoá ngàn năm, ô nhiễm môi trường do chất thải, nước thải, khí thải từ sinh hoạt, sản xuất và giao thông đô thị, ô nhiễm môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy, suy thoái tài nguyên nước mặt, nước ngầm, suy giảm các hệ sinh thái, tai biến môi trường và ngập úng, giao thông đô thị, nhà ở...).

Tất cả những vấn đề này cần phải được xem xét một cách nghiêm túc, để tìm ra đâu là nguyên nhân cốt lõi để có được các bài học đích thực cho sự phát triển trong tương lai.

Với địa giới mới, Hà Nội có sự đa dạng hơn nhiều về mặt địa hình, cảnh quan, và văn hoá. Đây vừa là một lợi thế nhưng đồng thời cũng là một thách thức đối với các nhà quy hoạch. Theo quy hoạch, Hà Nội mới sẽ không phải là một đô thị khổng lồ (megacity) - loại đô thị với rất nhiều thách thức từ góc độ môi trường và phát triển bền vững mà là một vùng/ hệ thống các đô thị. Vì vậy, quy hoạch tổng thể Hà Nội cần phải được làm một cách chiến lược, cân trọng với cách tiếp cận tổng hợp (truyền thống và hiện đại) và sự đóng góp xây dựng ý kiến của đông đảo nhân dân, đặc biệt là các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Một tầm nhìn phát triển lâu bền cho một đô thị có chiều sâu lịch sử như Hà Nội phải là kết quả của một quá trình tích tụ kiểm nghiệm, là kết tinh của nhiều điều kiện thuận lợi, phải thấm đẫm tinh thần và tư tưởng của dân tộc.

4.2. Về một Hà Nội mới

Trong thời gian qua, Đồ án Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đã được Bộ Xây dựng triển khai một cách khẩn trương. Báo cáo lần 3 đã được hoàn thiện, được trưng bày và trưng cầu các ý kiến đóng góp xây dựng để hoàn thiện và trình Quốc hội phê duyệt sắp tới (Hình 6).

Theo Đồ án này, Hà Nội sẽ được quy hoạch thành một thành phố:

- *Xanh*: Phát triển bền vững về môi trường.
- *Văn hiến*: Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển.
- *Văn minh - Hiện đại*: Phát triển bền vững trên nền tảng kinh tế tri thức.

Đây là một định hướng toàn diện và mang tính chiến lược được nhiều người đồng tình. Nhưng để triển khai được định hướng này trong thực tế thì còn rất nhiều vấn đề phải bàn.

Trước hết, phải nói rằng đô thị sinh thái là một xu hướng kiến trúc hiện đại nhằm hài hoà giữa thiên nhiên và con người theo định hướng phát triển bền vững. Có nhiều tiêu chí cho một đô thị sinh thái và có sự thay đổi nhất định theo từng khu vực. Các đô thị sinh thái đã và đang được xây dựng thành công và thất bại ở nhiều quốc gia, nhất là ở Trung Quốc gần đây. Các bài học quốc tế đó cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để áp dụng trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam và đặc biệt là ở Hà Nội.

Từ góc độ môi trường, sinh thái xin có một số thảo luận như sau:

a) Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch Hà Nội

Theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005, các cơ quan thẩm quyền về lập quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) như một phần của quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở cấp quốc gia, vùng, tỉnh. Các quy hoạch nằm trong đối tượng phải làm ĐMC bao gồm quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng kinh tế, quy hoạch liên vùng lưu vực sông và rất nhiều chiến lược và quy hoạch ngành tầm cỡ quốc gia.

Tác động của quy hoạch nói chung, quy hoạch Hà Nội nói riêng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường là rất lớn, rất phức tạp. Vì vậy, ĐMC quy hoạch và thực

thi nghiêm túc trong thực tế là điều kiện trước hết và quan trọng nhất để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững Thủ đô trong tương lai. Việc này cần phải được làm và thẩm định một cách cẩn trọng nhất, theo đúng quy trình quy định hiện nay.

ĐMC như trong bản Quy hoạch làm vừa rồi là quá đơn giản và tùy tiện như ý kiến của nhiều nhà khoa học đã đóng góp.

b) Thích ứng với biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu mà trước hết là nhiệt độ trung bình tăng và mực nước biển dâng được cho là thách thức lớn nhất cho toàn nhân loại trong thế kỷ XXI.

Việt Nam được dự đoán là một trong số rất ít quốc gia bị tác động nặng nề của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trong đó nặng nề nhất là hai đồng bằng sông Hồng và sông Mê Kông.

Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (12/2008) và Bộ Tài nguyên - Môi trường công bố các kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam (9/2009), trong năm 2010, tất cả các bộ, ngành và địa phương sẽ xây dựng xong kế hoạch hành động triển khai Chương trình Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và lồng ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu này vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển của mình²².

Trong khung cảnh đó, Thủ đô Hà Nội nên gương mẫu xây dựng kế hoạch hành động và lồng ghép hiệu quả nhất các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào bản Quy hoạch thành phố²³. Các trận mưa lũ miền Trung vừa rồi cho thấy những kế hoạch phát triển có huy hoàng đến mấy cũng trở thành vô nghĩa nếu không nghiên cứu thấu đáo các tình huống bất lợi, nhất là khi thiên nhiên đang diễn biến phức tạp dưới tác động của biến đổi khí hậu trong suốt thế kỷ này và có thể còn dài hơn nữa.

Trong Quy hoạch Hà Nội vừa qua, đánh giá tác động và lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào Quy hoạch còn rất mờ nhạt. Đây là điều cần phải được khắc phục ngay và càng sớm càng tốt.

c) Định hướng quy hoạch mạng lưới không gian xanh

Trong khoảng hơn 10 tiêu chí của đô thị sinh thái thì tiêu chí quan trọng là về tỷ lệ diện tích cây xanh và mặt nước (các hệ sinh thái đất ngập nước - sông, hồ...):

– Có mật độ cây xanh cao. Có hệ thống rừng phòng hộ môi trường bao quanh thành phố hoặc ít nhất vào các hướng gió chính; Cố gắng tạo và bảo tồn đa dạng sinh học để giữ cân bằng sinh thái;

– Diện tích mặt nước (ao, hồ,...) cân đối và đủ với diện tích dân số thành phố để tạo cảnh quan môi trường và khí hậu mát mẻ²⁴.

Trong bản Quy hoạch Hà Nội, 70% diện tích Thủ đô sẽ là hành lang xanh. Đây là một con số lý tưởng. Tuy nhiên, để chỉ tiêu này thành hiện thực trong thực tế, cần phải có một cơ sở khoa học và thực tiễn chắc chắn và các giải pháp cụ thể, đặc biệt là những tính toán về mặt Địa lý khí hậu²⁵, Địa lý nhân văn và Địa lý kinh tế. Nếu không có những tính toán đầy đủ như vậy, thì Quy hoạch rất dễ trở thành vào một “siêu dự án treo”.

Về mạng lưới sông, hồ, để bảo vệ và phát triển tài nguyên nước, bản Quy hoạch dự kiến sẽ dành ra 5 - 10% đất đô thị để làm hồ điều hoà (5.000 - 7.000ha). Sông Hồng, sông Nhuệ,

sông Tích, sông Đáy, dãy đầm hồ Vân Trì, sông Cà Lồ, sông Thiếp, sông Đuống... được tô đậm với việc nạo vét, cải tạo, nâng cấp cảnh quan. Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống kênh dẫn liên thông từ hồ Quan Sơn qua sông Tích, sông Đáy, sông Nhuệ để vượt qua đô thị Phú Xuyên nối với sông Hồng...

Cũng giống như mảng cây xanh, mối quan tâm chung của nhiều người là các giải pháp để ngay từ bây giờ bảo vệ và bảo tồn được diện tích mặt nước khỏi các nguy cơ gây ô nhiễm mà ở Hà Nội cũ đã có rất nhiều cố gắng, đầu tư mà vẫn chưa giải quyết được và bằng cách nào có thể ngăn chặn được nạn san lấp các ao, hồ tự nhiên kể cả ở các khu vực mới mở rộng trong các cơn sốt đất vừa qua.

Thay cho lời kết

– Việc dời đô từ Hoa Lư đến Thăng Long năm 1010 là một bước ngoặt của lịch sử, mở ra một giai đoạn phát triển mới huy hoàng của đất nước.

– Thăng Long - Hà Nội được phát triển từ cái nôi của văn hoá sông Hồng, của nền văn minh lúa nước nên thấm đượm những đặc trưng này trong mọi mặt của đời sống thành phố.

– Hệ thống đất ngập nước Hà Nội có một ý nghĩa về nhiều mặt, trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn môi trường sinh thái và đời sống văn hoá, tâm linh của Thủ đô. Nước đã trở thành biểu tượng của đời sống vật chất và văn hoá riêng của Việt Nam, của Hà Nội.

– Trong thời gian qua, do những nguyên nhân khác nhau, sông hồ Hà Nội bị suy thoái một cách báo động ảnh hưởng lớn tới sự phát triển bền vững. Gần đây, thành phố đã có một số cố gắng để cải tạo, song đứng về lâu dài các giải pháp công nghệ sinh thái cần phải được đặc biệt chú trọng để bảo tồn các hệ sinh thái này.

– Hà Nội mới được quy hoạch theo mô hình một thành phố xanh, văn hiến và văn minh - hiện đại. Để làm được điều này Quy hoạch tổng thể Hà Nội cần phải được ĐMC có tính tới các yếu tố biến đổi khí hậu một cách cẩn trọng nhất để đảm bảo tính bền vững lâu dài của Thủ đô, trong đó: i) Bảo tồn và phát triển hệ thống mặt nước - một đặc trưng của Hà Nội và ii) Phát triển hệ thống hành lang xanh cần được đặc biệt quan tâm.

CHÚ THÍCH

¹ Chỉ thị 32/CT-TU, ngày 4/5/1998 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

² Trần Quốc Vượng, *Môi trường, Con người và Văn hoá*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2005.

Sterrling, J.E. - Hurley, M.M. - Lê Đức Minh, *Lịch sử tự nhiên Việt Nam*, Yale University Press, New Haven and London, 2007.

³ Diệp Đình Hoa, *Hệ quả sinh thái nông nghiệp cổ truyền của người Việt trong Một số vấn đề sinh thái nhân văn ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.

Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.

⁴ Phan Huy Lê - Nguyễn Quang Ngọc - Nguyễn Đình Lê, *The country life in the Red River delta*, The gioi Publisher, Ha Noi, 1997.

-
- ⁵ Pierre Gourou, 1936. *Les paysans du delta tonkinois Études de géographie humaine*, Bản dịch tiếng Việt. NXB Trẻ, Hà Nội, 2003;
Phan Huy Lê - Nguyễn Quang Ngọc - Nguyễn Đình Lê, *The country life in the Red River delta*, The gioi Publisher, Hà Nội, 1997.
- ⁶ Văn hoá Xóm làng tựa vào văn hoá Lúa nước trong Trần Quốc Vương, *Môi trường, Con người và Văn hoá*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2005.
- ⁷ *Tổng tập Nghìn năm Văn hiến Thăng Long*, tập I, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2007.
- ⁸ Pierre Clement, *Những bài học rút ra từ Hà Nội trong Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr.11-18.
- ⁹ Pédelahore, *Hà Nội và những hình tượng của nước trong Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr.43-54.
- ¹⁰ Trần Quốc Vương, *Môi trường, Con người và Văn hoá*, sđd.
- ¹¹ Các số liệu này được ghi chép vào năm 2007, khi Hà Nội chưa mở rộng như hiện nay.
- ¹² UBND thành phố Hà Nội, *Hội thảo cải tạo môi trường các hồ Hà Nội*, Hà Nội, 29/4/2010.
- ¹³ Phan Phương Thảo, *Cảnh quan mặt nước Hà Nội qua tư liệu địa bạ trong Địa bạ cổ Hà Nội*, tập II, NXB Hà Nội, 2008.
- ¹⁴ Phan Huy Lê - Nguyễn Quang Ngọc - Nguyễn Đình Lê, *The country life in the Red River delta*, The gioi Publisher, Hà Nội, 1997.
Phan Huy Lê, *Địa bạ cổ Hà Nội*, tập II, NXB Hà Nội, 2008.
- ¹⁵ Trần Huy Anh - Nguyễn Đình Thanh, "Bóng dáng thành phố sông hồ trong báo cáo quy hoạch Hà Nội", tạp chí *Kiến trúc Việt Nam*, số 11/2009.
- ¹⁶ Pédelahore, *Hà Nội và hình tượng của nước trong Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr.43-54.
- ¹⁷ *Tổng tập Nghìn năm Văn hiến Thăng Long*, tập I, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2007.
- ¹⁸ Phan Phương Thảo, "Cảnh quan mặt nước Hà Nội qua tư liệu địa bạ", trong *Địa bạ cổ Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2008.
- ¹⁹ Christian Pédelahore de Loddiss, *Hà Nội và hình tượng của nước trong Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr.43-55.
Phan Phương Thảo, 2008. "Cảnh quan mặt nước Hà Nội qua tư liệu địa bạ", trong *Địa bạ cổ Hà Nội*, NXB Hà Nội.
- ²⁰ Trần Huy Anh - Nguyễn Đình Thanh, "Bóng dáng thành phố sông hồ trong báo cáo quy hoạch Hà Nội", tạp chí *Kiến trúc Việt Nam*, số 11/2009.
- ²¹ Christian Pédelahore de Loddiss, *Hà Nội và hình tượng của nước trong Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr.45.
- ²² Trương Quang Học - Nguyễn Đức Ngữ, *Một số điều cần biết về biến đổi khí hậu*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 2009.
- ²³ Trương Quang Học and Trần Hồng Thái, *Climate Change and Sustainable Development: Climate change impacts on nature and social life*, Proceedings of the Vietnam-Japan cooperative conference on Climate change and sustainability, Hanoi 28-29. VNU's Publishing House, 2008.
- ²⁴ Trương Quang Học & Per Bertilson, *On criteria and indicators of a friendly environmental city*. National workshop on Building Da Nang – An environmental city, Da Nang, November, 2007.
- ²⁵ Đào Đình Bắc, *Phân tích hiện trạng thảm cây xanh Hà Nội trên quan điểm sinh thái đô thị và những kiến nghị quy hoạch*, *Thông báo khoa học của các trường đại học*, 2002, tr.27-32.